

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 11546/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 93/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2019

1. Tổng vốn đầu tư công: 3.962,807 tỷ đồng

Trong đó:

a) Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 3.494,087 tỷ đồng

+ Nguồn vốn XDCB tập trung: 2.436,007 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 833,08 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 225 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư công khác: 343,53 tỷ đồng.

c) Nguồn vốn đầu tư từ Quỹ Phát triển đất tỉnh: 125,19 tỷ đồng

(Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nguồn bội chi: thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính).

2. Phân cấp quản lý vốn đầu tư

a) Ngân sách cấp tỉnh quản lý đầu tư: 2.838,377 tỷ đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 2.369,657 tỷ đồng

+ Nguồn vốn XDCB tập trung: 1.936,007 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 208,65 tỷ đồng.

+ Đầu tư từ nguồn thu XSKT: 225 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư công khác: 343,53 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ Quỹ Phát triển đất tỉnh: 125,19 tỷ đồng.

b) Ngân sách cấp huyện quản lý đầu tư: 1.124,43 tỷ đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn XDCB tập trung: 500 tỷ đồng.

- Nguồn cấp quyền sử dụng đất: 624,43 tỷ đồng.

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công

Danh mục chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh và vốn đầu tư phân cấp cho cấp huyện theo phụ lục đính kèm Nghị quyết.

Điều 2. Các giải pháp thực hiện

1. Tiếp tục thực hiện công tác tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn Trái phiếu Chính phủ; tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ. Không bố trí danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2019 nếu chưa được thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo thời hạn quy định (trừ dự án khẩn cấp, khắc phục hậu quả do bão lụt gây ra).

2. Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý năm 2019 bố trí để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giai đoạn 2016 - 2020; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ; số vốn chưa phân bổ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xác định

danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trước khi giao kế hoạch vốn theo quy định.

3. Chỉ đạo chủ đầu tư thực hiện rà soát các hạng mục dự án, cắt giảm các chi phí, hạng mục không thật cần thiết trên nguyên tắc vẫn bảo đảm mục tiêu chủ yếu của dự án và hiệu quả đầu tư, hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020 đối với danh mục dự án khởi công mới sử dụng nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2016 - 2020.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện phân bổ nguồn vốn được phân cấp theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư; xem xét, hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh cho các địa phương thực hiện công trình cấp thiết mới phát sinh phù hợp với khả năng nguồn ngân sách tỉnh, theo nguyên tắc các địa phương đã thực hiện rà soát, phân bổ nguồn vốn phân cấp theo đúng quy định.

5. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 của các dự án chậm tiến độ thực hiện và giải ngân sang các dự án khác. Các dự án đến ngày 30/6/2019 giải ngân dưới 30% kế hoạch vốn năm 2019 được giao đầu năm, kiên quyết không bố trí kế hoạch năm 2020. Trường hợp, có nhu cầu cần bổ sung vốn ngân sách để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án (đến ngày 30/6/2019 đã giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2019), Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho ứng trước kế hoạch vốn theo quy định.

6. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ ở các cấp trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra việc báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư (cả chủ đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách), của Ủy ban nhân dân cấp huyện để đánh giá hiệu quả đầu tư 6 tháng và hàng năm. Thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện 04 Chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm, xử lý kịp thời các vướng mắc về cơ chế, thủ tục để thực hiện được kế hoạch đã đề ra.

7. Các chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, ... năm 2019 đẩy nhanh tiến độ thi công và nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao; tích cực xử lý các vướng mắc phát sinh, rà soát các vướng mắc cụ thể về cơ chế chính sách đã ban hành làm ảnh hưởng đến công tác tạm ứng, thanh toán vốn (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xin ý kiến xử lý.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VI nhiệm kỳ 2016 - 2021, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận: *leuk*

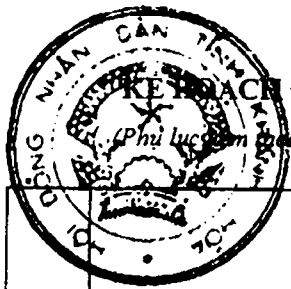
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, Đại.

CHỦ TỊCH



leuk
Nguyễn Tấn Tuấn

PHỤ LỤC 1



PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-HĐND ngày 05 /12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMDT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:		
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ								3.494.087	2.436.007	833.080	225.000
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ								2.369.657	1.936.007	208.650	225.000
I	TRẢ NỢ VỐN VAY								80.798	80.798		
II	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ								10.000	10.000		
III	VỐN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ								2.278.859	1.845.209	208.650	225.000
III.1	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ								93.800	93.800	0	0
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019								8.500	8.500	0	0
1	Trạm thực nghiệm khoa học và công nghệ huyện Khánh Sơn	Sở KHCN	KS	2017-2019	2561/QĐ-UBND ngày 16/9/2015	3122A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	11.962		8.500	8.500		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019								58.000	58.000	0	0
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Khánh Hòa	Sở KHCN	NT	2016-2020	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	3126A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	109.066		58.000	58.000		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2019								27.300	27.300	0	0
1	Cải tạo 3 ô nhà lưới Trai thực nghiệm giống cây trồng Suối Dầu	TTKN	CL	2019	3287/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3957/QĐ-UBND ngày 26/12/2017	2.496		2.300	2.300		
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KHCN	DK	2019-2020	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	77.418		25.000	25.000		
III.2	ĐẦU TƯ 4 CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KTXH TRỌNG ĐIỂM								1.639.193	1.263.543	166.550	209.100
III.2.1	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC								529.796	514.796	0	15.000
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019								169.670	169.670	0	0
1	BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐ Sư phạm Nha Trang	BQL DADT XD các CT DD và CN	NT	2012-2019		2162/QĐ-UBND ngày 30/8/2012	57.969		10.000	10.000		
2	Trường THPT Bắc Khánh Vinh (giai đoạn 1)	Sở GD	Khánh Vinh	2017-2019	1899/QĐ-UBND ngày 15/7/2015	2547/QĐ-UBND ngày 29/8/2016	26.774		21.000	21.000		
3	Trường THPT khu vực phía Bắc thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 1)	Sở GD	Ninh Hòa	2017-2019	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	3269/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	44.825		36.000	36.000		
4	Trường THPT Nam Diên Khánh, huyện Diên Khánh (giai đoạn 1)	Sở GD	Diên Khánh	2017-2019	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	3135/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	39.807		31.000	31.000		

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DAĐT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019				
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:			
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
5	Trường THPT Ng. Thị Minh Khai, huyện Vạn Ninh (giai đoạn 1)	Sở GD	VN	2017-2019	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	3270/QĐ-UBND 28/10/2016	39.993			31.000	31.000		
6	Nâng cấp thư viện của Trường Đại học Khánh Hòa	Trường ĐH Khánh Hòa	NT	2017-2019	3283/QĐ-UBND 28/10/2016	3320/QĐ-UBND 31/10/2016	9.412			4.400	4.400		
7	Trang thiết bị dạy học và nâng cấp cơ sở vật chất Trường Đại học Khánh Hòa	Trường ĐH Khánh Hòa	NT	2017-2019	3282/QĐ-UBND 28/10/2015	3321/QĐ-UBND 31/10/2016	6.936			3.800	3.800		
8	Chương trình đào tạo nghề 2011	Trg CD Nghề NT	NT	2016-2019		07/QĐ-UBND 05/01/2016	41.463	30.961		1.970	1.970		
9	Ký túc xá Trường CĐ Nghề Nha Trang (giai đoạn 1)	BQL DAĐT XD các CT DD và CN	NT	2018-2019	300/HĐND ngày 26/10/2016	3275/QĐ-UBND 28/10/2016	44.697			30.500	30.500		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019									55.000	48.000	0	7.000
1	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL DAĐT XD các CT GT	NT	2006-2020		131/QĐ-UBND 16/01/2007, 2676/QĐ-UBND ngày 8/10/2014	562.820			48.000	48.000		
2	Trường PT DTNT thị xã Ninh Hòa	Sở GD	NH	2018-2020	93A/HĐND ngày 31/3/2017	3230/QĐ-UBND 30/10/2017	46.509	32.400		7.000			7.000
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2019									75.126	67.126	0	8.000
1	Trường THPT Nam Cam Ranh	Sở GD	Cam Ranh	2019-2020	3400/QĐ-UBND 30/10/2016	3099/QĐ-UBND 19/10/2017	26.994			15.000	15.000		
2	Trường THPT Tây Bắc Diên Khánh	Sở GD	DK	2019-2020	07/HĐND ngày 09/01/2017	2371/QĐ-UBND 17/8/2018	40.000			18.926	18.926		
3	Sửa chữa giáo dục (công trình cấp tỉnh quản lý)	Sở GD	toàn tỉnh	2019	3208/QĐ-UBND 24/10/2015		8.000			8.000			8.000
4	Trường THPT Nam Nha Trang (giai đoạn 2)	BQL DAĐT XD các CT DD và CN	NT	2019-2020	299/HĐND ngày 26/10/2016	3274/QĐ-UBND 28/10/2016	44.420			15.000	15.000		
5	Nhà ở công vụ cho giáo viên xã Ninh Tây	TX Ninh Hòa	NH	2019-2020	1037/QĐ-UBND ngày 19/6/2018	2118/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.961			3.500	3.500		
6	Nhà ăn Trường tiểu học Khánh Hòa - Jeju	Huyện CL	CL	2019-2020	1851A/QĐ-UBND 27/10/2017	1894/QĐ-UBND 30/10/2017	1.385			900	900		
7	Sửa chữa Trường ĐH Khánh Hòa	Trường ĐH Khánh Hòa	NT	2019-2020	2064/QĐ-UBND 5/9/2017	3201/QĐ-UBND 26/10/2017	4.966			4.800	4.800		
8	Trường mẫu giáo Hương Sen, thôn Gia Lỗ	Ban QLDA các CTXD Khánh Vĩnh	KV	2019-2020	1041/QĐ-UBND 22/11/2017	733/QĐ-UBND 22/10/2018	12.267			4.000	4.000		
9	Trường tiểu học Giang Ly, thôn Gia Lỗ	Ban QLDA các CTXD Khánh Vĩnh	KV	2019-2020	1083/QĐ-UBND 13/12/2017	691/QĐ-UBND 28/8/2018	14.999			5.000	5.000		
(4)	HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH NHÂN LỰC									230.000	230.000		

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:		
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
III.2.2	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ								634.350	354.200	146.150	134.000
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019								160.703	44.200	24.503	92.000
1	HT Thoát lũ từ cầu Phú Vinh về đầu Sông Tác	BQL DADT XD các CT NN&PTNT	NT	2011-2019		1728/QĐ-UBND ngày 29/10/2009, 3851/QĐ-UBND ngày 28/12/2016	285.379	5.000	25.000	25.000		
2	Hệ thống thoát nước mưa khu vực Nam hòn Khô (giai đoạn 2) - Tuyến T1	BQL PT tỉnh	NT	2013-2019		1990/QĐ-UBND 28/7/2011, 3234/QĐ-UBND 26/10/2016	79.808		11.000	11.000		
3	Cắm mốc, khơi thông dòng chảy sông Bà Vệ và sông Kim Bông	BQL PT tỉnh	NT	2018-2019	3159/QĐ-UBND ngày 23/10/2017	3240/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	6.844		4.200	4.200		
4	Kè Đại lãnh	Sở NN	VN	2015-2019		2900/QĐ-UBND 30/10/2014	134.966	66.193	47.389		21.700	25.689
5	Kè bảo vệ sông Trường (đoạn từ cửa biển đến QL 1A)	Sở NN	CL	2015-2019		2921/QĐ-UBND 31/10/2014, 2560/QĐ-UBND 4/9/2018	109.111	48.428	32.572		2.803	29.769
6	Xây mới 02 phòng mổ tim, phòng hồi sức sau mổ tim và cải tạo các phòng mổ, hồi sức sau mổ; hệ thống cung cấp điện cho bệnh viện ĐK tỉnh Khánh Hòa	Sở Y tế	NT	2016-2019	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	3124/QĐ-UBND 30/10/2015	72.994		6.000			6.000
7	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Diên Khánh (cũ) thành bệnh viện Nhiệt đới (gđ 2)	Sở Y tế	DK	2016-2019	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	3109/QĐ-UBND 30/10/2015	80.000	45.000	3.700			3.700
8	Xây dựng Trạm y tế Ninh Thủy và 04 phân trạm y tế	Sở Y tế	NT-NH	2017-2019	3091/QĐ-UBND 30/10/2015	3277/QĐ-UBND 28/10/2016	15.922		4.800			4.800
9	Trung tâm (trạm) kiểm dịch y tế quốc tế tại cảng hàng không quốc tế Cam Ranh	Sở Y tế	CR	2017-2019	1900/QĐ-UBND 15/7/2015	3276/QĐ-UBND 28/10/2016	19.778		8.300			8.300
10	Nhà công vụ Trung tâm y tế huyện Khánh Vĩnh	UBND KV	KV	2017-2019	2832/QĐ-UBND 8/10/2015	1946/QĐ-UBND 6/7/2016	12.698		5.500			5.500
11	Nhà dưỡng lão và an dưỡng Khánh Hòa	Sở LĐ	NT	2018-2019	3355/QĐ-UBND 31/10/2016	3286/QĐ-UBND 31/10/2017	11.899		5.000			5.000
12	Trụ sở làm việc Chi cục kiểm lâm tỉnh KH	Chi cục kiểm lâm KH	NT	2017-2019	2075/QĐ-UBND 30/7/2015	2746/QĐ-UBND 16/9/2016	13.564		3.000	3.000		
13	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Diên Khánh (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đông đúc)	UBND DK	DK	2018-2019	2833/QĐ-UBND ngày 8/10/2015	3099/QĐ-UBND ngày 22/9/2016	13.494		1.000	1.000		
14	Trung tâm văn hóa, thể thao công nhân Khu công nghiệp Suối Dầu	LD lao động tỉnh	CL	2017-2019	3155/QĐ-UBND 19/10/2016	3354/QĐ-UBND 31/10/2016	14.412	3.000	3.242			3.242
(2)	Các dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2019								61.500	25.000	7.500	29.000

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DAĐT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMDT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:		
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
1	Cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề cá lớn Khánh Hòa (giai đoạn 1)	Sở NN	CR	2018-2020	197/HĐND 20/7/2016	3235/QĐ-UBND 26/10/2016	171.483	151.420	7.500		7.500	
2	Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế	NT	2016-2020	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	3123/QĐ-UBND 30/10/2015	560.862	336.000	40.000	25.000		15.000
3	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	Sở Y tế	NT	2016-2020	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	812/QĐ-UBND 30/3/2016	292.527		10.000			10.000
4	Nhà thi đấu thể dục, thể thao Liên đoàn lao động tỉnh	LĐ lao động tỉnh	CR	2018-2020	47/QĐ-TT& ngày 13/01/2017	1812/QĐ-TLD 31/10/2017	26.000	15.000	4.000			4.000
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2019								108.300	65.300	30.000	13.000
1	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án thành phố Nha Trang	BQL PT tỉnh	NT	2018-2022	582/QĐ-TT& ngày 06/4/2016	3348A/QĐ-UBND 31/10/2016	1.607.510	1.352.899	25.000	25.000		
2	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	BQL PT tỉnh	NT	2019-2022	HĐND tỉnh phê duyệt	782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018	759.516	608.105	24.000	24.000		
3	Thị điểm lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng tiết kiệm và đèn cảnh báo an toàn giao thông sử dụng năng lượng mặt trời cho đô thị Cam Đức	UBND CL	CL	2019-2020	HĐND tỉnh đã cho ý kiến	788A/QĐ-UBND ngày 22/3/2018	50.000	40.000	4.000	4.000		
4	Đường Tỉnh lộ 2 (ĐT.635), đoạn từ Cầu Hà Dừa đến Cầu Đồi	Sở GTVT	DK	2019-2022	08/HĐND 9/01/2017	3262/QĐ-UBND 29/10/2018	355.116		30.000		30.000	
5	Các đội y tế dự phòng huyện; đội chăm sóc sức khỏe huyện	Sở Y tế	toàn tỉnh	2019-2020	345/HĐND ngày 29/11/2016	3236/QĐ-UBND 30/10/2017	49.996		13.000			13.000
6	Trạm cứu nạn, cứu hộ và nhà làm việc tại KDL BBD Cam Ranh	BQL BBĐCR	CL	2019	3064/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	393/QĐ-UBND 15/2/2017	2.748		2.600	2.600		
7	Trụ sở làm việc Hội Cựu chiến binh tỉnh	Hội CCB	NT	2019	2522/QĐ-UBND 26/8/2016	3353A/QĐ-UBND 31/10/2016	5.833		5.100	5.100		
8	Sửa chữa, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung - thành phố Nha Trang	Sở LĐ	NT	2019-2020	3184/QĐ-UBND 23/10/2018	3287/QĐ-UBND 31/10/2018	1.698		1.600	1.600		
9	Sửa chữa, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ Ninh Hòa - Vạn Ninh	Sở LĐ	NH	2019-2020	3182/QĐ-UBND 23/10/2018	3288/QĐ-UBND 31/10/2018	6.204		3.000	3.000		
(4)	HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ								303.847	219.700	84.147	0
1	Huyện Cam Lâm								9.000	9.000	0	0
	Các dự án khởi công mới năm 2019											
-	Đường Hoàng Văn Thụ nối dài	Huyện CL	Cam Đức	2019-2020	1864/QĐ-UBND 27/10/17	1902/QĐ-UBND 30/10/17	3.093	2.165	2.140	2.140		
-	Đường Lưu Hữu Phước	Huyện CL	Cam Đức	2019-2020	1863/QĐ-UBND 27/10/17	1901/QĐ-UBND 30/10/17	5.027	3.519	3.500	3.500		

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019				
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tr.đó: TW hồ sơ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:			
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
-	Đường Đào Duy Anh, thị trấn Cam Đức	Huyện CL	Cam Đức	2019-2020	1862/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1903/QĐ-UBND ngày 30/10/17	4.800	3.360	3.360	3.360			
2	Huyện Khánh Sơn								36.000	9.000	27.000	0	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019								27.000	0	27.000	0	
-	Đường D9	Huyện KS	KS	2017-2019	579h/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	662b/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	50.000		27.000		27.000		
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019								9.000	9.000	0	0	
-	Kè bảo vệ bờ sông Tô Hạp đoạn qua thị trấn Tô Hạp và xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn	Huyện KS	KS	2018-2020	20/HĐND ngày 31/3/2017	1542/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	81.550	55.000	9.000	9.000			
3	Huyện Khánh Vĩnh								15.700	15.700	0	0	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019												
-	Cầu Hoàng Quốc Việt	Huyện KV	KV	2016-2020	Bộ KH đã thẩm định vốn	547/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	82.033	55.000	13.700	13.700			
-	Các trục đường giao thông chính khu đô thị mới thị trấn Khánh Vĩnh, giai đoạn I	Huyện KV	KV	2018-2020	Bộ KH đã thẩm định vốn	922/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	82.013	60.000	2.000	2.000			
4	Thị xã Ninh Hòa								35.502	15.502	20.000	0	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019								20.000	0	20.000	0	
-	Đường Bắc Nam, thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 2)	Thị xã NH	Ninh Hòa	2017-2020	259/HĐND ngày 30/10/2016	1345/QĐ-UBND ngày 22/7/2016	123.269		20.000		20.000		
b	Các dự án khởi công mới năm 2019								15.502	15.502	0	0	
-	Điện chiếu sáng đoạn đường Hồ Xuân Hương đến Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão	Thị xã NH	Ninh Hải	2019-2020	2060/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	2128/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.245	784	784	784			
-	Đường BTXM phường Ninh Hải, đoạn từ công làng Đông Hòa đến giáp công ty Autralis	Thị xã NH	Ninh Hải	2019-2020	2061/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	2129/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.231	776	776	776			
-	Đường BTXM phường Ninh Hải, đoạn từ Đồn biên phòng đến nhà ông Hoàng	Thị xã NH	Ninh Hải	2019-2020	2062/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	2130/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.209	732	732	732			
-	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Chín đến nhà ông Hoàng	Thị xã NH	Ninh Thủy	2019-2020	2066/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	2134/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.508	1.000	1.000	1.000			
-	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Mau đến nhà ông Hai	Thị xã NH	Ninh Thủy	2019-2020	2067/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	2135/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	608	400	400	400			
-	Đường BTXM đoạn từ nhà bà Sáng đến nhà ông Em	Thị xã NH	Ninh Thủy	2019-2020	2068/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	2136/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.043	700	700	700			
-	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Phiến đến nhà SHCĐ TDP Bá Hà I	Thị xã NH	Ninh Thủy	2019-2020	2069/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	2137/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	608	400	400	400			

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:		
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
-	Hội trường UBND phường Ninh Giang	Thị xã NH	Ninh Giang	2018		1296/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	6.026	3.000	3.000	3.000		
-	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đoạn từ QL1A đến giáp đường 16/7 (nhà ông Hiếu)	Thị xã NH	Ninh Đa	2019-2020	2104/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2167/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.262	880	880	880		
-	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đoạn từ QL1A đến giáp đường bê tông nhựa TDP Vạn Thiện	Thị xã NH	Ninh Đa	2019-2020	2105/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2168/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.196	830	830	830		
-	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đoạn từ QL1A đến chầu Ông thôn Bằng Phước xã Ninh Phú	Thị xã NH	Ninh Đa	2019-2020	2106/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2169/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.144	800	800	800		
-	Đường từ nhà ông Trịnh Tiến Khoa đến TL1A (đoạn từ TL1A đến Lạch Cầu Treo)	Thị xã NH	Ninh Diêm	2019-2020	2110/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2173/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	11.490	4.500	2.500	2.500		
-	Chợ phường Ninh Hà	Thị xã NH	Ninh Hà	2019-2020		2174/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.678	1.500	1.500	1.500		
-	Đường BTXM TDP Mỹ Trạch phường Ninh Hà, đoạn từ nhà ông Hồ Cao Trí đến nhà ông Trương Văn Nghiệp	Thị xã NH	Ninh Hà	2019-2020	2111/QĐ-UBND ngày 29/10/2011	2175/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	666	450	450	450		
-	Đường BTXM TDP Hậu Phước phường Ninh Hà, đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Đệ đến nhà ông Thái Xuân Hương	Thị xã NH	Ninh Hà	2019-2020	2112/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2176/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	724	500	500	500		
-	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Hồ Tùng Mậu phường Ninh Hà	Thị xã NH	Ninh Hà	2019-2020	2113/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	2177/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	416	250	250	250		
5	Huyện Diên Khánh								128.147	91.000	37.147	0
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019								108.147	71.000	37.147	0
-	Kè chống sạt lở bờ Bắc thị trấn Diên Khánh	UBND DK	DK	2014-2020		1832/QĐ-UBND ngày 27/7/2013, 2686/QĐ-UBND ngày 12/9/2017	272.245	122.100	47.000	47.000		
-	Kè và tuyến đường số 1 sông Cái và sông Suối Dầu	UBND DK	DK	2013-2020		2797/QĐ-UBND ngày 06/11/2012	217.386	20.000	15.000	15.000		
-	Đường D6 (từ Tỉnh lộ 2 - Quốc lộ 27C)	Huyện DK	DK	2017-2020	13/NQ-HĐND ngày 31/12/2015	450/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	125.300		37.147		37.147	
-	Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái Nha Trang và sông Đông Đen	Huyện DK	DK	2018-2020	07/HĐND ngày 31/3/2017	551/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	80.117	55.000	9.000	9.000		
b	Các dự án khởi công mới năm 2019								20.000	20.000	0	0
-	Đường Nguyễn Trãi nối dài giáp đường tránh QL1A	Huyện DK	DK	2018-2020	14/NQ-HĐND ngày 31/10/2015	549/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	59.823		20.000	20.000		
6	Thành phố Cam Ranh								62.498	62.498	0	0

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMDT	Tr.đó: TW hồ trợ,TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:		
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019								38.000	38.000	0	0
-	Kè bảo vệ hai bờ sông Trà Long	UBND CR	CR	2014-2019		1796/QĐ-UBND ngày 5/7/2011	140.492	70.000	38.000	38.000		
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019								9.000	9.000	0	0
-	Kè chống sạt lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3. TP Cam Ranh	TP Cam Ranh	CR	2018-2020	277/HĐND ngày 31/3/2017	1507/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	80.000	55.000	9.000	9.000		
c	Các dự án khởi công mới năm 2019								15.498	15.498	0	0
-	Đường TDP Phúc Sơn (từ đường làng dân tộc đến nhà ông Dương Văn Thanh)	TP Cam Ranh	Cam Phúc Nam	2018	668/QĐ-UBND ngày 18/5/2018	920/QĐ-UBND ngày 02/07/2018	739		517	517		
-	Đường TDP Xuân Ninh (từ Đại lộ Hùng Vương đến nhà Bà Vũ Thị Nghiệp)	TP Cam Ranh	Cam Phúc Nam	2019	669/QĐ-UBND ngày 18/5/2018	945/QĐ-UBND ngày 04/07/2018	747		523	523		
-	Đường TDP Phúc Hải (từ nhà bà Nguyễn Thị Xuân đến nhà ông Trần Hàn)	TP Cam Ranh	Cam Phúc Nam	2019-2020	665/QĐ-UBND ngày 18/5/18	1612/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.098	4.269	4.269	4.269		
-	Đường Âu Cơ, TDP Hòa Do 5A (từ đường Quốc lộ 1 đến giáp biển)	TP Cam Ranh	Cam Phúc Bắc	2019-2020	652/QĐ-UBND	1637/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.199	840	840	840		
-	Đường bên hông nhà thờ (từ đường Quốc lộ 1A đến giáp biển)	TP Cam Ranh	Cam Phúc Bắc	2019-2020	654/QĐ-UBND ngày 18/5/18	1610/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.879		3.415	3.415		
-	Đường Nghĩa Phú (NI-Đoạn từ QL1A đến đường D1)	TP Cam Ranh	Cam Nghĩa	2019-2020	359/QĐ-UBND ngày 02/4/18	839/QĐ-UBND ngày 12/6/18	13.484		3.137	3.137		
-	Đường tổ dân phố Nghĩa Bình (K1A)	TP Cam Ranh	Cam Nghĩa	2019-2020	1245/QĐ-UBND ngày 04/9/18	1634/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.000	1.400	1.400	1.400		
-	Đường tổ dân phố Nghĩa Bình (đường hiện trạng)	TP Cam Ranh	Cam Nghĩa	2019-2020	660/QĐ-UBND ngày 18/5/2018	1376/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	996		697	697		
-	Đường tổ dân phố Nghĩa Phú (từ trường Tiểu học Cam Nghĩa 2 đến đường vào nhà thờ)	TP Cam Ranh	Cam Nghĩa	2019-2020	657/QĐ-UBND ngày 18/5/2018	1422/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.000		700	700		
7	Huyện Vạn Ninh								17.000	17.000	0	0
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019								8.000	8.000	0	0
-	Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 1)	UBND VN	VN	2016-2020	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	3118/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	100.000	90.000	8.000	8.000		
b	Các dự án khởi công mới năm 2019								9.000	9.000	0	0
-	Đường Lê Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường ray xe lửa)	Huyện VN	VN	2019-2020	1047/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	1943/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	27.201		9.000	9.000		
III.2.3	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI								432.047	354.047	17.900	60.100
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019								123.000	112.200	2.000	8.800
1	Xây dựng và cải tạo, nâng cấp 25 trạm y tế xã, phường	Sở Y tế	toàn tỉnh	2014-2019		2743/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	85.021		5.500			5.500

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:		
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SĐĐ trong cân đối	Vốn XSKT
2	Cải tuyến Tỉnh lộ 1B-đoạn từ Hyundai Vinashin đến Ninh Tinh. thị xã Ninh Hòa	BQL VP	NH	2014-2019		159/QĐ-KKT 31/10/2012	446.636	300.000	47.000	47.000		
3	Đường vào kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	BQL VP	NH	2015-2019		133/QĐ-KKT 30/10/2014	239.259	191.259	43.000	43.000		
4	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 1A đến khu TĐC Xóm Quán	BQL VP	NH	2017-2019	3010/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	162/QĐ-KKT 18/10/2016	21.557		8.000	8.000		
5	Khu tái định canh Ninh Thọ	UBND NH	NH	2017-2019	2005/QĐ-UBND 13/7/2016	2924/QĐ-UBND 30/9/2016	20.311		2.000		2.000	
6	Đường vận chuyển nông sản liên vùng xã Cam Hòa. Cam Hiệp Bắc (đoạn từ Km0+000 đến Km3+731)	Huyện CL	CL	2017-2019	2458/QĐ-UBND 14/9/2016	2844/QĐ-UBND 28/10/2016	19.997		4.500	4.500		
7	Cánh đồng lớn sản xuất Mía đường tại vùng nguyên liệu Mía thị xã Ninh Hòa	Cty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	NH	2017-2019	04/NQ-HUBND 31/3/2016	1493/QĐ-UBND 31/5/2016	7.084		3.300			3.300
8	Xây dựng cầu cảng mới tại cảng cá Hòn Rớ phục vụ tàu cá hạng nhỏ	Sở NN	NT	2018-2019	3040/QĐ-UBND ngày 13/10/2017	3259/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	10.290		7.500	7.500		
9	Xây dựng trạm xử lý nước thải và hệ thống quan trắc nước thải tự động Cụm Công nghiệp Đặc Lộc	TT KC&XTT M	NT	2018-2019	2974/QĐ-UBND 21/10/2015	3271/QĐ-UBND 2/12/2017, 2690/QĐ-UBND 11/9/2018	5.738		2.200	2.200		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019								201.913	188.413	0	13.500
1	Hồ chứa nước Đặc Lộc	Sở NN	NT	2014-2020		2733/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	188.795	52.000	35.413	35.413		
2	Đê Ninh Hà	Sở NN	NH	2016-2020	33/NQ-HUBND ngày 09/12/2015	3114/QĐ-UBND 30/10/2015	80.000	60.000	10.000	10.000		
3	Hệ thống đường phục vụ sản xuất lâm sinh, phát triển và bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng huyện Khánh Sơn. Vạn ninh	Sở NN	KS-VN	2016-2020	33/NQ-HUBND ngày 09/12/2015	3117/QĐ-UBND 30/10/2015	129.098	50.000	28.000	28.000		
4	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tình Khánh Hòa (WB8)	Sở NN	NT-DK, NH	2017-2022	01/2016/NQ-HUBND 31/3/2016	1808/QĐ-UBND 22/6/2018	224.648	212.770	2.000	2.000		
5	Trung tâm Bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí tỉnh Khánh Hòa	Sở LĐ	DK	2016-2020	33/NQ-HUBND ngày 09/12/2015	3112/QĐ-UBND 30/10/2015	100.000	55.000	13.500			13.500
6	Nâng cấp, mở rộng Hương Lộ 39 (giai đoạn 2)	BQL DADT XD các CT GT	NT-DK	2018-2020	296/HUBND ngày 19/10/2016	2651/QĐ-UBND 8/9/2017	104.805		30.000	30.000		
7	Hệ thống kênh Đập Hòa Huỳnh-Bón Tổng-Buy Ruột Ngựa	Cty TNHH MTV KTCTTL KH	NH	2018-2020	33/NQ-HUBND ngày 09/12/2015	3122/QĐ-UBND 30/10/2015	80.000	54.000	10.000	10.000		
8	Đường giao thông từ QL1A đến Đầm Môn	BQL VP	VN	2016-2022	33/NQ-HUBND ngày 09/12/2015	128/QĐ-KKT 30/10/2015	998.170	998.170	30.000	30.000		

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:		
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
9	Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung thành phố Nha Trang (giai đoạn 1)	UBND NT	NT	2018-2020	250/QĐ-UBND ngày 12/8/2017	3283/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	103.197	20.000	20.000			
10	Các dự án phát triển rừng		toàn tỉnh	2016-2020			86.700	23.000	23.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2019							40.900	9.700	15.900	15.300	
1	Hệ thống kênh đập dâng Chi Trừ (Kênh Văn Định)	Cty TNHH MTV KTCTL KH	NH	2019	2493/QĐ-UBND 9/9/2015	3279A/QĐ-UBND 28/10/2016	5.695	5.000				5.000
2	Sửa chữa, nâng cấp kênh tiêu KT1, KT2 (thuộc hệ thống kênh tiêu liên xã Diên Hòa - Diên Bình - Diên Lạc)	Cty TNHH MTV KTCTL KH	DK	2019-2020	3850/QĐ-UBND 30/12/2015	3288/QĐ-UBND 30/10/2017	14.912	10.300				10.300
3	Cầu Sóng Chò	Huyện DK	DK	2019-2020	491/QĐ-UBND 7/11/2016	543/QĐ-UBND 30/10/2017	55.197	15.000			15.000	
4	Bến cá Quảng Hội	UBND VN	VN	2019-2021	3245/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2609/QĐ-UBND ngày 7/9/2018	35.652	8.300	8.300			
5	Đường giao thông nội đồng Thủy Ba - Hiền Lương - Cửa Tùng (từ đất sản xuất ông Đông đến khu vực đôn điền đổi thửa)	Huyện CL	CL	2019	1852/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1908/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2.169	1.400	1.400			
6	Nhà thi đấu đa năng xã Cam An Nam	UBND xã Cam An Nam	CL	2018-2019	501A/QĐ-UBND 07/8/2017	506/QĐ-UBND 30/10/2017	3.019	900			900	
(4)	HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH XD NÔNG THÔN MỚI							66.234	43.734			22.500
*	<i>Trong đó: đầu tư Chương trình nước sạch nông thôn</i>							25.734	25.734	0	0	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019							7.034	7.034	0	0	
1	HTCN Nước Nhì, xã Khánh Phú	Huyện KV	KV	2018-2019	537/QĐ-UBND 889 31/10/2016	648/QĐ-UBND, ngày 26/7/2017	6.618	3.200	3.200			
2	HTCN sinh hoạt xã Diên Tân	Huyện DK	DK	2018-2019	330/QĐ-UBND/XD 13/10/2017	547/QĐ-UBND/XD 30/10/2017	8.460	3.000	3.000			
3	Nối mạng HTCN sinh hoạt xã Cam Phước Đông (khu vực Mái ấm Đại An, cầu Thanh Cừ, nhà bà Trung)	Cty CP ĐT Cam Ranh	CR	2018-2019	1825A/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	1060/QĐ-UBND, ngày 07/8/2017	3.494	834	834			
b	Các dự án khởi công mới năm 2019							18.700	18.700	0	0	
1	HTCN xã Khánh Trung	Huyện KV	KV	2019-2020	906/QĐ-UBND 889 31/10/2016	996/QĐ-UBND 889 30/10/2017	8.348	2.800	2.800			
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã cánh Bắc: Khánh Bình, Khánh Đông, Khánh Hiệp	Huyện KV	KV	2019-2020	917/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	997/QĐ-UBND 889 30/10/2017	22.468	7.350	7.350			
3	Nâng cấp HTCN sinh hoạt các xã Ninh Trung - Ninh Thọ - Ninh An - Ninh Thân - Ninh Sơn	Cty CP ĐT Ninh Hòa	NH	2019	1969/QĐ-UBND ngày 28/10/2016		6.000	2.250	2.250			

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:		
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT
4	Hệ thống cấp nước sinh hoạt và nước tưới xã Sơn Lâm	Huyện KS	KS	2019-2020	580b/QĐ-UBND ngày 03/10/2016	1496/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	9.988	6.300	6.300			
III.2.4	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KTXH MIỀN NÚI							43.000	40.500	2.500		
	<i>Trong đó: hỗ trợ các xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135</i>							20.000	17.500	2.500		
III.3	KHỞI QUỐC PHÒNG - AN NINH							37.000	37.000	0		
(1)	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh							5.900	5.900	0		
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018							2.900	2.900	0		
1	Nhà ở CB-CS và hội trường của Đại đội Trinh sát 21	BCHQST	NT	2016-2018	2745/QĐ-UBND ngày 01/10/2015	3124A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	10.432	501	501			
2	Nhà làm việc Ban CHQS huyện Vạn Ninh	BCHQST	VN	2016-2017	2647/QĐ-UBND ngày 23/9/2015	3120/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	9.695	995	995			
3	Trường bán, thao trường huấn luyện của BCHQS huyện Diên Khánh	BCHQST	DK	2017-2018	655/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	1774/QĐ-UBND ngày 22/6/2016	14.007	1.404	1.404			
b	Các dự án khởi công mới năm 2019							3.000	3.000	0		
1	Nhà QNDB và Dân quân Ban CHQS huyện Cam Lâm	BCHQST	CL	2019-2020	22/QĐ-UBND ngày 07/01/2016	3237/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	6.000	3.000	3.000			
(2)	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh							7.500	7.500	0	0	
	Các dự án khởi công mới năm 2019											
1	Đồn Biên phòng Vĩnh Lương (368)	BDBP	Cam Ranh	2019-2020	3833/QĐ-UBND ngày 12/12/2016	3186/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	24.358	7.500	7.500			
(3)	Công an tỉnh							23.600	23.600	0	0	
	Các dự án khởi công mới năm 2019											
1	Trụ sở làm việc công an phường Ninh Hải	CA tỉnh	Ninh Hòa	2019	2494/QĐ-UBND ngày 9/9/2015	3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.972	2.900	2.900			
2	Trụ sở làm việc công an phường Ninh Thủy	CA tỉnh	Ninh Hòa	2019	2495/QĐ-UBND ngày 9/9/2015	3329/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	3.000	2.900	2.900			
3	Nhà làm việc công an thành phố Nha Trang	CA tỉnh	NT	2019-2020	901/QĐ-UBND ngày 6/4/2016	3356/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	22.753	17.800	17.800			
III.4	CÁC DỰ ÁN KHÁC							258.400	250.400	0	8.000	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019							8.200	8.200	0	0	
1	Mở rộng hệ thống thông tin chỉ huy Công an tỉnh Khánh Hòa	CA tỉnh	toàn tỉnh	2017-2019	1727/QĐ-UBND ngày 30/6/2015	3252/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	29.908	8.200	8.200			
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019							25.000	25.000	0	0	

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019			
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:		
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
1	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý vào quản lý cơ sở hạ tầng - kinh tế xã hội tỉnh Khánh Hòa	Sở TTTT		2015-2020		912/QĐ-UBND 15/4/2014	82.158		15.000	15.000		
2	Trung tâm chỉ huy Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh Khánh Hòa	CA PCCC	NT	2017-2020	2409/QĐ-BCA-H43 21/6/2016	285/QĐ-H41-H45 14/10/2016	143.417	93.206	10.000	10.000		
c	Các dự án khởi công mới năm 2019								14.200	14.200	0	0
1	Cải tạo, mở rộng nâng cấp đường cơ động đảo Hòn Tre (giai đoạn 1)	BCHQST	NT	2019-2021	2615/QĐ-UBND 15/9/2016	3319/QĐ-UBND 31/10/2016	14.733		4.000	4.000		
2	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở làm việc Công an thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	NH	2019-2020	3204/QĐ-UBND 25/10/2016	3033/QĐ-UBND 11/10/2018	7.714		5.000	5.000		
3	Trang thiết bị chữa cháy và cứu hộ cứu nạn	CA PCCC		2019	2148/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	2989/QĐ-UBND ngày 9/10/2017	3.700		3.200	3.200		
4	Trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở KHĐT	NT	2019	3250/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	1858/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	2.564		2.000	2.000		
d	Lĩnh vực khác								211.000	203.000	0	8.000
1	Sửa chữa giao thông (đường tỉnh quản lý)	Sở GTVT	toàn tỉnh						100.000	100.000		
2	Sửa chữa y tế	Sở Y tế	toàn tỉnh						8.000			8.000
3	Bổ sung có mục tiêu theo địa bàn								15.000	15.000		
4	Công trình phòng thủ	BCHQST							7.000	7.000		
5	Khắc phục bão lũ								10.000	10.000		
6	Bảo trì công sở								2.000	2.000		
7	Trả nợ quyết toán								2.000	2.000		
8	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững											
-	Hỗ trợ đầu tư CSHT xã bãi ngang	4 xã bãi ngang ven biển		2018-2020	TTCP đã phê duyệt		48.739	17.090	15.000	15.000		
-	Hỗ trợ đầu tư CSHT huyện nghèo	2 huyện KS, KV		2019-2020	TTCP đã phê duyệt		270.000	160.923	30.000	30.000		
9	Cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giai đoạn 2016-2020								12.000	12.000		
10	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn theo NĐ 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (thay thế NĐ 210/2013/NĐ-CP)								10.000	10.000		
III.5	Chưa phân bổ								250.466	200.466	42.100	7.900
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư các dự án theo 4 chương trình KTXH trọng điểm)								1.124.430	500.000	624.430	

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)			Kế hoạch năm 2019		
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT	Tr.đó: TW hỗ trợ/TPCP/ODA	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SĐĐ trong cân đối
I	Nguồn XDCB tập trung								500.000	500.000	
1	Thành phố Nha Trang								120.000	120.000	
2	Thành phố Cam Ranh								53.500	53.500	
3	Huyện Cam Lâm								45.000	45.000	
4	Huyện Diên Khánh								60.500	60.500	
5	Thị xã Ninh Hoà								84.000	84.000	
6	Huyện Vạn Ninh								52.000	52.000	
7	Huyện Khánh Vĩnh								51.000	51.000	
8	Huyện Khánh Sơn								34.000	34.000	
II	Nguồn CQSD Đất								624.430		624.430
1	Thành phố Nha Trang								436.500		436.500
2	Thành phố Cam Ranh								25.230		25.230
3	Huyện Cam Lâm								60.000		60.000
4	Huyện Diên Khánh								35.000		35.000
5	Thị xã Ninh Hoà								30.000		30.000
6	Huyện Vạn Ninh								34.000		34.000
7	Huyện Khánh Vĩnh								3.000		3.000
8	Huyện Khánh Sơn								700		700



PHỤ LỤC 1A

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2019 CỦA NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC (TRỪ ĐỀ ÁN PHỔ CẬP GDMN CHO TRẺ EM 5 TUỔI)

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-HDND ngày 05 / 12 /2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn NS tỉnh bố trí đến hết KH năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh hỗ trợ		Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh hỗ trợ			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng số													230.000
I	Thành phố Cam Ranh													32.700
1	Trường TH Cam Thịnh Tây I	Cam Thịnh Tây	2017-2019	1614/QĐ-UBND 30/9/2015	1865/QĐ-UBND 28/10/2016	19.965	5.990	13.976	19.965	5.995	13.970	2.000	10.553	
2	Trường THCS Lê Hồng Phong	Cam Lộc	2017-2020	29/NQ-HĐND 25/12/2015	1852/QĐ-UBND 28/10/2016	41.999	12.600	29.399	41.999	12.602	29.397	2.000	12.000	
3	Trường TH Cam Lộc I	Cam Lộc	2019	1713/QĐ-UBND 15/10/2015	1552-30/10/17	9.995	2.999	6.997	9.995	2.999	6.997		6.997	
4	Trường TH Cam Nghĩa 2	Cam Nghĩa	2019	1523/QĐ-UBND 31/8/2016	1532/QĐ-UBND 27/10/17	4.551	1.365	3.186	4.551	1.401	3.150		3.150	
II	Thị xã Ninh Hòa													33.393
1	Trường TH Ninh Sim	Ninh Sim	2017-2018	3047/QĐ-UBND 29/10/2015	1949/QĐ-UBND 27/10/2016	7.949	2.385	5.564	7.990	2.426	5.564		5.444	
2	Trường TH Ninh Thủy	Ninh Thủy	2017-2019	3063/QĐ-UBND 30/10/2015	1963/QĐ-UBND 28/10/2016	14.967	4.515	10.452	14.931	4.749	10.182		9.995	
3	Trường TH số 1 Ninh Hiệp	Ninh Thọ	2017-2019	3060/QĐ-UBND 30/10/2015	1948/QĐ-UBND 27/10/2016	11.961	3.588	8.373	11.977	3.604	8.373		7.977	

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn NS tỉnh bố trí đến hết KH năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Chi chú	
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh hỗ trợ		Ngân sách huyện				Ngân sách tỉnh hỗ trợ
4	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng (xây dựng nhà văn phòng và công trình phụ trợ)	Ninh Thủy	2018-2019	3062/QĐ-UBND 30/10/2015	2184/QĐ-UBND 30/10/2017	7.997	2.402	5.595	7.993	2.403	5.590	5.590		
5	Trường THCS Chu Văn An (xây dựng 05 phòng học và công trình phụ trợ)		2018-2019	3049/QĐ-UBND 29/10/2015	2168/QĐ-UBND 27/10/2017	3.567	1.070	2.497	3.984	1.487	2.497	2.497		
6	Trường Mầm non 1/5 (xây dựng 02 phòng học và công trình phụ trợ)	Ninh Sơn	2018-2019	3050/QĐ-UBND 29/10/2015	2185/QĐ-UBND 30/10/2017	2.702	811	1.891	2.989	1.099	1.890	1.890		
III	Huyện Vạn Ninh												9.300	
1	Trường MG Vạn Khánh (Xây mới khu hiệu bộ, bếp ăn một chiểu, phòng y tế, nhà bảo vệ, phòng nhân viên, nhà xe, nhà vệ sinh GV, sân bê tông, cổng tường rào, 02 phòng)	Vạn Khánh	2019-2020	2060/QĐ-UBND 30/10/2018		5.514		5.514	5.514		5.514	5.500	5.500	
2	Trường Tiểu học Vạn Phước 1 (Xây mới khu hiệu bộ, 03 phòng học, cổng tường rào, xây mới phòng thư viện, phòng y tế, phòng giáo viên, nhà vệ sinh giáo viên, nhà xe học sinh).	Vạn Phước	2019-2020	2071/QĐ-UBND 30/10/2018		3.800		3.800	3.800		3.800	3.800	3.800	
IV	Huyện Cam Lâm													25.237
1	Trường THCS Cam Hải Đông (xây dựng 08 phòng học, khối nhà hành chính và cổng tường rào)	Cam Hải Đông	2018-2019	2474/QĐ-UBND 24/10/2015	2809/QĐ-UBND 28/10/2016	13.101	3.930	9.171	13.101	4.030	9.071	1.500	7.671	
2	Trường MG Hoa Hồng	Cam Thành Bắc	2019	2548/QĐ-UBND 30/10/2015	2879/QĐ-UBND 28/10/16	3.321	996	2.325	3.321	1.015	2.306		2.306	

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn NS tính bố trí đến hết KH năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh hỗ trợ		Ngân sách huyện				Ngân sách tỉnh hỗ trợ
3	Trường TH Cam An Nam (Sửa chữa công, tường rào, sân đường nội bộ,...)	Cam An Nam	2019	2557/QĐ-UBND 30/10/2015	2826/QĐ-UBND 27/10/16	1.076	323	753	1.076	343	733	733		
4	Trường THCS Lê Thánh Tôn (Cải tạo, sửa chữa khối lớp học và khối hành chính)	Cam Hiệp Bắc	2019	2556/QĐ-UBND 30/10/2015	2862/QĐ-UBND 28/10/16	1.176	353	823	1.312	488	823	823		
5	Trường TH Suối Tân (xây dựng 02 phòng học bộ môn)	Suối Tân	2019	2559/QĐ-UBND 30/10/2015	2575/QĐ-UBND 30/10/15	1.922	576	1.345	1.995	650	1.345	1.345		
6	Trường THCS Nguyễn Hiền (Sửa chữa công, tường rào, sân đường nội bộ,...)	Cam Thành Bắc	2019	2550/QĐ-UBND 30/10/2015	2577/QĐ-UBND 30/10/15	1.584	475	1.109	1.680	571	1.109	1.109		
7	Trường TH Cam Đức 2 (Cải tạo, sửa chữa khối lớp học và khối hành chính)	Thị trấn Cam Đức	2019	2554/QĐ-UBND 30/10/2015	2830/QĐ-UBND 27/10/16	1.160	348	812	1.160	350	810	810		
8	Trường TH Suối Cát	Suối Cát	2019	2547/QĐ-UBND 30/10/2015	1856/QĐ-UBND 27/10/17	5.993	1.798	4.195	5.993	1.802	4.191	4.191		
9	Trường TH Tân Sinh (Sửa chữa hàng rào, sân trường)	Cam Thành Bắc	2019	2552/QĐ-UBND 30/10/2015	2827/QĐ-UBND 27/10/16	597	179	418	600	182	418	418		
10	Trường THCS Quang Trung (Sửa chữa công, hàng rào)	Thị trấn Cam Đức	2019	2551/QĐ-UBND 30/10/2015	2829/QĐ-UBND 27/10/16	343	103	240	345	105	240	240		
11	Trường THCS Lương Thế Vinh (Cải tạo, sửa chữa khối lớp học và khối hành chính)	Cam Hòa	2019	2555/QĐ-UBND 30/10/2015	2828/QĐ-UBND 27/10/16	1.695	508	1.186	1.706	520	1.186	1.186		
12	Trường TH Cam Hải Tây (Xây dựng công, hàng rào)	Cam Hải Tây	2019	2545/QĐ-UBND 30/10/2015	1854/QĐ-UBND 27/10/17	492	148	345	500	155	345	345		
13	Trường MG Sơn Ca	Cam Tân	2019	2539/QĐ-UBND 30/10/2015	1855/QĐ-UBND 27/10/17	395	118	276	398	122	276	276		
14	Trường TH Cam Tân	Cam Tân	2019	2546/QĐ-UBND 30/10/2015	1898/QĐ-UBND 30/10/17	1.392	418	975	1.500	525	975	975		

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn NS tỉnh bố trí đến hết KH năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh hỗ trợ		Ngân sách huyện				Ngân sách tỉnh hỗ trợ
15	Trường TH Cam An Bắc	Cam An Nam	2019	2543/QĐ-UBND 30/10/2015	1896/QĐ-UBND 30/10/17	1.413	424	989	1.500	511	989			
16	Trường TH Cam Hiệp Bắc (Cải tạo, sửa chữa các phòng học, công trường rào, xây dựng 04 phòng học)	Cam Hiệp Bắc	2019	2544/QĐ-UBND 30/10/2015		3.949	1.185	2.764	3.949	2.129	1.820		1.820	
V	Huyện Khánh Sơn												7.398	
1	Trường MN Ba Cùm Bắc	Ba Cùm Bắc	2019	1126b/QĐ-UBND 30/10/2015	622/QĐ-UBND 30/10/2018	1.498		1.498	1.498		1.498		1.498	
2	Trường TH Sơn Lâm giai đoạn 2	Sơn Lâm	2019						5.900		5.900		5.900	
VI	Huyện Khánh Vĩnh												21.490	
1	Trường Mầm non xã Cầu Bà	Xã Cầu Bà	2019-2020	538/QĐ-UBND 30/10/2015	640/QĐ-UBND 30/10/2014	14.916	916	14.000	14.916	916	14.000		7.000	
2	Trường Mầm non xã Khánh Phú; HM: Xây dựng 4 phòng học, khu hiệu bộ, bếp ăn, công, tường rào, sân	Xã Khánh Phú	2019	540/QĐ-UBND 30/10/2015	733/QĐ-UBND 27/9/2016	7.492		7.492	7.490		7.490		7.490	
3	Trường Tiểu học Liên Sang; HM: Xây dựng 18 phòng học, khu hiệu bộ, công, tường rào, sân	Xã Liên Sang	2019-2020	539/QĐ-UBND 30/10/2015					14.936	936	14.000		7.000	
VII	Huyện Diên Khánh												28.400	
1	Trường THCS Diên Phú	Diên Phú	2016-2018	209/QĐ-HUBND 30/10/2015	233/QĐ-UBND 31/12/2015	33.652	10.096	23.556	33.652	10.132	23.520	5.500	16.000	
2	Trường THCS Diên Đồng	Diên Đồng	2019-2020	129a/QĐ-UBND 12/10/2015					22.883	6.883	16.000		7.000	
3	Trường Mầm non TT Diên Khánh	TTDK	2019-2020	129b/QĐ-UBND 12/10/2015					13.486	4.046	9.440		5.400	

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư 5 năm 2016-2020			Lũy kế vốn NS tính bổ trợ đến hết KII năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh hỗ trợ		Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh hỗ trợ			
VIII Thành phố Nha Trang														
1	Trường Tiểu học Đất Lành (gd 1)	Vĩnh Thái	2017-2018	4411/QĐ-UBND 11/10/2016	7583/QĐ-CTUBND 31/10/2016	26.813	15.813	11.000	26.813	15.813	11.000	7.500	3.500	48.082
2	Trường TH Vĩnh Phương 1 (điểm chính) - HM: XDM nhà đa năng, 04 phòng học	Vĩnh Phương	2019	3928/QĐ-UBND 13/10/2015	18941/QĐ-UBND 27/10/2017	5.100		5.100	5.100		5.100		5.100	
3	Trường TH Vĩnh Phước 2 - HM: XD khối hành chính, phòng chức năng	Vĩnh Phước	2019	4087/QĐ-UBND 26/10/2015	18922/QĐ-UBND 27/10/2017	5.291		5.291	5.291		5.291		5.291	
4	Trường TH Phước Thịnh - HM: XDM phòng chức năng, đa năng, 4 phòng học	Phước Đồng	2019	4084/QĐ-UBND 26/10/2015		8.630		8.630	8.630		8.630		8.630	
5	Trường Mầm non Hoa Hồng - HM: xây dựng phòng học, phòng chức năng	Nha Trang	2019	4077/QĐ-UBND 26/10/2015	19070/QĐ-UBND 30/10/2017	4.183		4.183	4.183		4.183		4.183	
6	Nâng cấp Trường Mầm non Phước Long	Phước Long	2019	4079/QĐ-UBND 26/10/2015		14.889		14.889	14.889		14.889		13.983	
7	Trường THICS Lương Thế Vinh - HM: XDM nhà đa năng, phòng chức năng	Nha Trang	2019	4091/QĐ-UBND 26/10/2015	19111/QĐ-UBND 31/10/2017	7.395		7.395	7.395		7.395		7.395	
IX	Hỗ trợ sửa chữa giáo dục (3 tỷ đồng/huyện, TX, TP) trong 2 năm 2019-2020								48.000		48.000		24.000	
X	Dự phòng phân bổ sau								28.229		28.229			



PHỤ LỤC 1B

KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

ĐVT: triệu đồng

S T T	Tên công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	VỐN CÂN ĐỐI NSDP CẤP TỈNH QUẢN LÝ		40.500	
A	Phân bổ chi tiết		39.308	
	Các dự án khởi công mới năm 2019			
I	Huyện Vạn Ninh		4.351	
1	Xã Vạn Thọ		4.351	
a	Trường học		3.826	
	Trường Mầm non Vạn Thọ (Xây mới khu hiệu bộ, bếp ăn một chiều, phòng y tế, nhà bảo vệ, phòng nhân viên, nhà xe nhà vệ sinh giáo viên, tường rào (điểm Cô Mã); công tường rào (điểm Tuần Lễ trên); công tường rào và nhà vệ sinh giáo viên (điểm Tuần Lễ dưới)	Phòng Giáo dục và DT Vạn Ninh	639	
	Trường Tiểu học Vạn Thọ 1 (Xây mới 10 phòng học, nhà bảo vệ, tường rào; cải tạo các phòng chức năng)	Phòng Giáo dục và DT Vạn Ninh	2.381	
	Trường Tiểu học Vạn Thọ 2 (Xây mới phòng thư viện, phòng y tế, phòng giáo viên điểm Tuần Lễ).	Phòng Giáo dục và DT Vạn Ninh	446	
	Trường THCS Lương Thế Vinh (sửa chữa cơ sở vật chất)	Phòng Giáo dục và DT Vạn Ninh	360	
b	Cơ sở vật chất văn hoá		525	
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Vạn Thọ (Hạng mục: Nâng nền, xây kè, xây tường rào khu thể thao xã và Sửa chữa Hội trường kết hợp Nhà văn hóa xã)	Ban QLXD NTM xã Vạn Thọ	525	
II	Thị xã Ninh Hòa		14.039	
1	Xã Ninh Tân		10.790	
a	Giao thông		9.590	
-	Đường trục thôn, liên thôn		2.100	
	Đường BTXM tuyến đường 3000 (đoạn giáp TL5 đến Cầu Trần tuyến 3000)	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	2.100	
-	Đường trục chính nội đồng		7.490	
	Đường GTNĐ từ đất ông Phạm Ngọc Tùng đến Ba Cầu	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	840	
	Đường nội đồng từ dân quân đến suối Hàn	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	700	
	Đường nội đồng từ đồng dân quân đến hồ nước sinh hoạt	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	700	
	Đường GTNĐ từ hồ cá đến đất Ba Dem	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	560	

S T T	Tên công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	Đường GTND từ Cao Lia đến thác Bông Lau	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	490	
	Đường GTND từ nhà bà Loan đến Cao Long	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	350	
	Đường GTND từ nhà ông Sơn đến suối Bộ đội	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	420	
	Đường GTND từ nhà ông Lâm đến đất ông Hợi	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	700	
	Đường GTND từ đất ông Hiền đến đồng Chiêu Liêu	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	280	
	Đường GTND từ TL8 đến đất Bà Oanh	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	1.050	
	Đường GTND tuyến 2600 phía Bắc	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	700	
	Đường GTND từ đất ông Hoàng đến nhà ông Phong	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	700	
b	Cơ sở vật chất văn hoá		1.200	
	Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã Ninh Tân	Ban QLXD NTM xã Ninh Tân	1.200	
2	Xã Ninh Phú		2.334	
a	Giao thông		1.134	
	Đường trục nội đồng		1.134	
	Đường GTNT thôn Hội Điền đoạn từ giáp đường BTXM đến nhà ông Phạm Luận	Ban QLXD NTM xã Ninh Phú	378	
	Đường GTNT thôn Hội Điền đoạn từ Cổng mương ngô vô nhà ông Luận đến học mương xã	Ban QLXD NTM xã Ninh Phú	756	
b	CSHT thương mại nông thôn		1.200	
	Chợ xã Ninh Phú	Ban QLXD NTM xã Ninh Phú	1.200	
3	Xã Ninh Quang		915	
	Hỗ trợ phát triển hợp tác xã		915	
	Xây dựng sân phơi và kho bảo quản lúa HTX nông nghiệp 1 Ninh Quang	Ban QLXD NTM xã Ninh Quang	595	
	Xây dựng xưởng chế biến gạo HTX nông nghiệp 1 Ninh Quang	Ban QLXD NTM xã Ninh Quang	320	
III	Huyện Diên Khánh		9.032	
1	Xã Diên Lộc		5.630	
a	Giao thông		3.522	
-	Đường trục nội đồng		3.522	

S T T	Tên công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	Đường nội đồng Hương lộ 39 - ruộng gốc me (đoạn ruộng đình Đại Hữu, trước kho HTX)	Ban QLXD NTM xã Diên Lộc	826	
	Đường nội đồng ruộng ông Thuận - ruộng ông Phương	Ban QLXD NTM xã Diên Lộc	855	
	Đường nội đồng ruộng bà Hoa - ruộng ông Tuấn	Ban QLXD NTM xã Diên Lộc	847	
	Đường nội đồng cây Trao	Ban QLXD NTM xã Diên Lộc	854	
	Đường nội đồng đồng Sau	Ban QLXD NTM xã Diên Lộc	140	
b	Thủy lợi		938	
	KCH kênh đất ông Bò	Ban QLXD NTM xã Diên Lộc	350	
	KCH kênh đồng dưới 1	Ban QLXD NTM xã Diên Lộc	294	
	KCH kênh đồng dưới 2	Ban QLXD NTM xã Diên Lộc	294	
c	Trường học		1.170	
	Trường mầm non Diên Lộc (03 phòng, y tế, nhân viên, sửa chữa 03 phòng, hàng rào)	Phòng Giáo dục và ĐT Diên Khánh	1.170	
2	Xã Suối Tiên		3.402	
a	Giao thông		2.442	
-	Đường trục nội đồng		2.442	
	Đường từ nhà ông Minh đến cuối đồng cây Gạo	Ban QLXD NTM xã Suối Tiên	869	
	Đường HL 39 đến nhà ông Hoàng Anh	Ban QLXD NTM xã Suối Tiên	701	
	Đường từ nhà ông Đình đến nhà ông Ngọc	Ban QLXD NTM xã Suối Tiên	872	
b	Trường học		960	
	Trường TH Suối Tiên (5 phòng học, phòng y tế, bếp ăn, sân bê tông)	Phòng Giáo dục và ĐT Diên Khánh	960	
IV	Huyện Cam Lâm		10.206	
	Xã Cam Thành Bắc		10.206	
a	Giao thông		9.306	
-	Đường trục thôn, liên thôn		6.896	
	Đường liên thôn nhà ông Phù Hân	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	753	
	Đường liên thôn từ nhà bà Trần Thị Nhạn đến Nguyễn Thanh Trà	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	1.834	

S T T	Tên công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	Đường liên thôn từ nhà ông Nguyễn Thu đến nhà bà Đinh Thị Phận	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	561	
	Đường liên thôn từ nhà ông Võ Văn Liên đến nhà ông Trương Viết Thiệu	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	1.204	
	Đường từ liên thôn từ nhà ông Huỳnh Ngọc Hoàn đến nhà ông Phạm Hàm	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	840	
	Đường liên thôn từ nhà bà Trương Thị Sơn đến đường số 1	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	602	
	Đường liên thôn từ nhà ông Nguyễn Văn Xuân đến Lê Thị Sửu	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	707	
	Đường liên thôn từ nhà bà Lê Thị Yên đến nhà ông Nguyễn Đồng	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	395	
	- Đường trục chính nội đồng		2.410	
	Đường nội đồng số 1 Tân Sinh Đông - Cam Thành Nam	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	343	
	Đường nội đồng từ nhà ông Đỗ Thập ra đồng	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	284	
	Đường nội đồng từ nhà ông Trần Minh Cảnh đến đất ông Ngô Phi Hùng	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	434	
	Đường từ nhà bà Trần Thị Mận đến khu sản xuất	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	518	
	Đường nội đồng từ nhà ông Phạm Anh Dũng ra khu sản xuất	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	291	
	Đường nội đồng từ nhà ông Trần Cường đến khu sản xuất	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	260	
	Đường nội đồng từ nhà bà Tôn Thị Sửu ra khu sản xuất	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	280	
b	Cơ sở vật chất văn hoá		900	
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (hội trường văn hóa: sân thể thao xã)	Ban QLXD NTM xã Cam Thành Bắc	900	
V	Huyện Khánh Vĩnh		1.680	
	Xã Sông Cầu		1.680	
	Hạ tầng khu sản xuất tập trung		1.680	
	Hợp thủy thôn Nam (sau Nhà văn hóa)	Ban QLXD NTM xã Sông Cầu	840	
	Hợp thủy thôn Đông (đôi cây cóc)	Ban QLXD NTM xã Sông Cầu	840	
B	Chưa phân bổ		1.192	



PHỤ LỤC 1C

KHU HOẠCH CHUƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2019

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

DVT: triệu đồng

S T T	Tên công trình	Chu đầu tư	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	NGUỒN VỐN XDCB TẬP TRUNG		23.000	
1	Phân bổ chi tiết		9.400	
	Các dự án khởi công mới năm 2019			
1	Huyện Cam Lâm		4.660	
	Đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 1 và Suối Lau 2, xã Suối Cát	Phòng Dân tộc Cam Lâm	840	
	Đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 3 (đoạn từ nhà Cao Thị Miên đến nhà Cao Tuấn), xã Suối Cát	Phòng Dân tộc Cam Lâm	770	
	Đường từ nhà máy nước đến khu sản xuất cây Sung nổi dài, xã Sơn Tân	Phòng Dân tộc Cam Lâm	1.600	
	Đường bao khu sản xuất liên thôn Suối Lau 1 – Tân Xương 2, xã Suối Cát	Phòng Dân tộc Cam Lâm	875	
	Đường vào khu sản xuất đồng bào dân tộc thiểu số thôn Văn Sơn xã Cam Phước Tây	Phòng Dân tộc Cam Lâm	575	
2	Thành phố Cam Ranh		1.200	
	Đường vào khu sản xuất tuyến 6 thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây	Phòng Dân tộc Cam Ranh	1.200	
3	Thị xã Ninh Hòa		2.700	
	Đường vào khu SX từ nhà Y Dú (Buôn Lạc) Ninh Sim	Phòng Dân tộc Ninh Hòa	2.000	
	Đường nội đồng (từ hồ cá đến nhà ông Nguyễn Minh Quốc)	Phòng Dân tộc Ninh Hòa	700	
4	Huyện Diên Khánh		840	
	Đường vào khu SX tạo thêm quỹ đất cho các hộ đồng bào thôn Đá Mài xã Diên Tân	Phòng Kinh tế Diên Khánh	840	
II	Chưa phân bổ		13.600	- KV, KS phân bổ từ vốn TW hỗ trợ đầu tư CSHT huyện nghèo theo Đề án giảm nghèo - Vốn này dùng phân bổ cho các xã hiện nay có số tiêu chí nông thôn mới đạt thấp



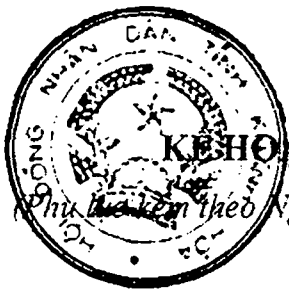
PHỤ LỤC 1D
KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2019

Thực hiện theo Nghị quyết số 30 /NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND tỉnh Khánh Hòa

ĐVT: triệu đồng

S T T	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	VỐN CÂN ĐỐI NSĐP CẤP TỈNH QUẢN LÝ		20.000	
	Các dự án khởi công mới năm 2019			
I	Thành phố Cam Ranh		400	
	Đường dân cư thôn Sông Cạn Trung (từ nhà Bùi Thanh Minh đến nhà Mang Dang)	thôn Sông Cạn Trung, xã Cam Thanh Tây	200	
	Kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn thôn giải phóng	thôn giải phóng, xã Cam Phước Đông	200	
II	Thị xã Ninh Hòa		400	
	Đường cấp phối đá dăm từ nhà Phan Văn Lia đến chân thác Bông Lau, thôn Suối Sâu, xã Ninh Tân	Thôn Suối Sâu, xã Ninh Tân	400	
III	Huyện Vạn Ninh		600	
1	Hệ thống lọc nước thủ công thôn Ninh Tân, xã Vạn Thạnh	thôn Ninh Tân, xã Vạn Thạnh	100	
2	Bổ sung trang thiết bị, hệ thống cấp điện nhà cộng đồng thôn Ninh Tân, xã Vạn Thạnh	thôn Ninh Tân, xã Vạn Thạnh	100	
3	Bổ sung hệ thống điện, máy phát điện phục vụ sinh hoạt thôn Ninh Đảo, xã Vạn Thạnh	thôn Ninh Đảo, xã Vạn Thạnh	100	
4	Tường rào, sân ủi mặt bằng sân thể thao thôn Ninh Đảo, xã Vạn Thạnh	thôn Ninh Đảo, xã Vạn Thạnh	100	
5	Bổ sung hệ thống điện, máy phát điện phục vụ sinh hoạt thôn Điệp Sơn, xã Vạn Thạnh	thôn Điệp Sơn, xã Vạn Thạnh	100	
6	Hỗ trợ xử lý rác thôn Điệp Sơn, xã Vạn Thạnh	thôn Điệp Sơn, xã Vạn Thạnh	100	
IV	Huyện Cam Lâm		2.000	
	Trung tâm văn hóa xã Sơn Tân	xã Sơn Tân	2.000	
V	Huyện Diên Khánh		200	
	Kênh mương tiêu cho đồng ruộng thôn Lỗ Gia, xã Suối Tiên	thôn Lỗ Gia, xã Suối Tiên	200	
VI	Huyện Khánh Sơn		5.800	
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Apa 2, xã Thành Sơn	xã Thành Sơn	1.000	
2	Hệ thống xử lý nước sinh hoạt đảm bảo hợp vệ sinh, xã Ba Cạm Nam	xã Ba Cạm Nam	1.000	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xóm Cỏ, xã Sơn Bình	xã Sơn Bình	1.000	
4	Đường vào khu sản xuất cánh đồng gu đơn thôn Tà Gụ, xã Sơn Hiệp	xã Sơn Hiệp	1.000	

S T T	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
5	Nối tiếp tuyến đường BTXM từ nhà bà Kẽm đi khu sản xuất Chà Là xóm 9 thôn Tha Mang, xã Ba Cùm Bắc	xã Ba Cùm Bắc	1.000	
6	Nâng cấp sửa chữa sân bê tông, tường rào nhà cộng đồng thôn Ha Nit, xã Sơn Lâm	thôn Ha Nit, xã Sơn Lâm	200	
7	Đường dân sinh từ nhà ông Trần Đình Minh tới nhà ông Mầu Thảng thôn Ko Róa, xã Sơn Lâm	thôn Ko Róa, xã Sơn Lâm	200	
8	Mở mạng cấp nước sinh hoạt cho dân thôn Tà Lương, thị trấn Tô Hạp	thôn Tà Lương, thị trấn Tô Hạp	100	
9	Đường BTXM cuối làng thôn Tà Lương, thị trấn Tô Hạp (gd 1)	thôn Tà Lương, thị trấn Tô Hạp	100	
10	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	thôn Dốc gạo, thị trấn Tô Hạp	100	
11	Đường BTXM vào khu sản xuất thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp	thôn Dốc gạo, thị trấn Tô Hạp	100	
VII	Huyện Khánh Vĩnh		10.600	
1	Đường khu dân cư tuyến 5B, xã Sơn Thái	xã Sơn Thái	1.000	
2	Đường bê tông xi măng tuyến đường số 3 (đoạn từ nhà ông Hà Ma đến cầu treo xã), xã Giang Ly	xã Giang Ly	1.000	
3	Đường vào khu sản xuất Suối Lau (giai đoạn 3) xã Khánh Thành	xã Khánh Thành	1.000	
4	BTXM tuyến đường vào khu sản xuất từ nghĩa trang Suối Cả đến giáp Suối Lau, xã Khánh Trung	xã Khánh Trung	600	
5	Đường vào khu sản xuất đất bà Nguyễn Thị Mạnh đến đất ông Bùi Văn Chính (giai đoạn 1), xã Khánh Trung	xã Khánh Trung	400	
6	Tuyến đường vào khu sản xuất Suối Là Bó (giai đoạn 2), xã Liên Sang	xã Liên Sang	1.000	
7	Nâng cấp tuyến 7: đường sản xuất thôn Đà Trắng (giai đoạn 1), xã Cầu Bà	xã Cầu Bà	1.000	
8	Đường từ nhà bà Pi Năng Thị Bé đến giáp đường BTXM vào đường ruộng (giai đoạn 1), xã Khánh Thượng	xã Khánh Thượng	1.000	
9	Đường nội đồng tuyến số 5 (giai đoạn 3), xã Khánh Nam	xã Khánh Nam	1.000	
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đập Hòn Lay, thôn Hòn Lay, xã Khánh Hiệp	xã Khánh Hiệp	1.000	
11	Bê tông hóa đường Cao Ly Tân đi Ri Địa (giai đoạn 1), xã Khánh Phú	xã Khánh Phú	1.000	
12	Đường vào khu sản xuất Suối Năm (giai đoạn 2), thôn Ba Dùi, xã Khánh Bình	thôn Ba Dùi, xã Khánh Bình	200	
13	Đường vào khu sản xuất Lò chì cũ (giai đoạn 2), thôn Cà Hon, xã Khánh Bình	thôn Cà Hon, xã Khánh Bình	200	
14	Trần từ đất ông Cao Chít đến đất bà Nguyễn Thị Bích Phương, thôn Suối Thom, xã Khánh Đông	thôn Suối Thom, xã Khánh Đông	200	

**PHỤ LỤC 1E****KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2019**

Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

S T T	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	NGUỒN VỐN XDCB TẬP TRUNG		23.000	
	Phân bổ chi tiết			
1	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2016-2020	Công ty TNHH một thành viên Lâm sản Khánh Hòa	900	
2	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc Khánh Vĩnh giai đoạn 2016-2020	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương	3.500	
3	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Vạn Ninh giai đoạn 2016-2020	BQL rừng phòng hộ Vạn Ninh	500	
4	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Ninh Hòa giai đoạn 2016-2020	BQL rừng phòng hộ Ninh Hòa	50	
5	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Cam Lâm - Cam Ranh giai đoạn 2016-2020	BQL rừng phòng hộ Cam Lâm	1.100	
6	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Khánh Sơn giai đoạn 2016-2020	BQL rừng phòng hộ Khánh Sơn	3.200	
7	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Hòn Bà giai đoạn 2016-2020	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	8.000	
8	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Vạn Ninh giai đoạn 2018-2020	BQL rừng phòng hộ Vạn Ninh	3.250	
9	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2016-2020 thành phố Nha Trang	BQLDA hỗ trợ trồng rừng sản xuất Tp. Nha Trang	200	
10	Trồng rừng sản xuất giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Cam Ranh	Hạt Kiểm lâm thành phố Cam Ranh	500	
11	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thị xã Ninh Hòa giai đoạn 2017-2020	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất Tx. Ninh Hòa	200	
12	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất giai đoạn 2016-2020 huyện Khánh Vĩnh	BQLDA hỗ trợ trồng rừng sản xuất Khánh Vĩnh	150	
13	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh giai đoạn 2016-2020	BQL trồng rừng huyện Diên Khánh	250	
14	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất giai đoạn 2016-2020 huyện Cam Lâm	BQLDA phát triển rừng sản xuất huyện Cam Lâm	400	
15	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2016-2020 huyện Khánh Sơn	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất Khánh Sơn	800	



PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KHÁC NĂM 2019

Nghị quyết số 36 /NQ-HĐND ngày 15/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMĐT		
TỔNG SỐ								343.530	
(1)	Nguồn thu tiền sử dụng đất bán đấu giá tại các PKĐKKV Nha Trang							50.000	
Các dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2019									
1	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	Sở Y tế	NT	2016-2020	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	812/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	292.527	50.000	
(2)	Nguồn thu tiền sử dụng đất bán đấu giá (22 lô đất) tại khu tái định cư Vĩnh Thái							80.000	
Các dự án khởi công mới năm 2019									
1	Đường D30 - Kết nối đường 23 tháng 10 với đường Võ Nguyên Giáp	BQL DADT XD các CT NN&PTNT	NT	2019-2020	262/HĐND ngày 23/8/2018	3286/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	129.534	80.000	
(3)	Nguồn thu tiền sử dụng đất bán đấu giá (3,36ha) tại khu Kho cảng Bình Tân							200.000	
Các dự án khởi công mới năm 2019									
1	Đường Tỉnh lộ 3	BQL DADT XD các CT GT	NT-CL	2019-2020	đã trình HĐND tỉnh		340.750	200.000	
(4)	Nguồn thu phí tham quan để lại đầu tư							13.530	
Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019									
1	Bia đá và bảng chỉ dẫn Danh lam thắng cảnh Mũi Đồi - Hòn Đầu	Trung tâm Bảo tồn di tích	VN	2018-2019	2196/QĐ-UBND ngày 01/8/2017	3125/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	230	230	
2	Đường vào khu mộ Bác sĩ Yersin xã Suối Cát	Sở VH TT	CL	2018-2019	3251/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	2159/QĐ-UBND ngày 01/8/2017	8.121	3.300	
3	Hỗ trợ đầu tư tu bổ các di tích	Sở VH TT	toàn tỉnh	2019				10.000	

PHỤ LỤC 3

KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT CỦA TỈNH NĂM 2019

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Số TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Quyết định phê duyệt DADT (BCKTKT)		Ước lỹ kế vốn cấp đến hết năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số QĐ, ngày, tháng, năm	TMDT			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
TỔNG SỐ								125.190	
1	CSHT khu TĐC Xóm Quán	BQL Vân Phong	NH	2010-2020	976/QĐ-UBND 14/4/2010	DK 379 tỷ đồng	345.000	10.000	
2	Khu tái định cư thôn Dốc Trầu xã Ba Cùm Bắc, huyện Khánh Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	KS	2017-2019	630/QĐ-UBND 25/10/2016	27.807	14.655	12.000	
3	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	BQL PT	NT	2016-2020	2273/QĐ-UBND 5/8/2016	161.748	117.075	28.000	
4	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	BQL DADT XD các CT NN&PTNT	NT	2018-2020	3241/QĐ-UBND 30/10/2017	90.343	10.000	45.000	
5	Giải phóng mặt bằng Khu sản xuất công nghiệp tập trung tại xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	BQL Vân Phong	NH	2018-2020		321.000	22.325	29.655	
6	Hỗ trợ di dời các trạm biến áp, máy phát điện và thiết bị máy móc của Công ty CP XK thủy sản KH	Công ty CP XK thủy sản KH	NT	2019		535		535	hoàn trả tạm ứng NS